

Số: 227/QĐ-THTP

Uông Bí, ngày 29 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý II năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 57/QĐ-PGDĐT ngày 13/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí quỹ lương biên chế và giáo viên hợp đồng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học (Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-PGDĐT ngày 11/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học năm 2025;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán Thu - Chi NSNN quý II năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú.

Điều 2. Thời gian công khai 90 ngày, kể từ ngày 30/6/2025 đến hết ngày 30/9/2025

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, kế toán, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Cổng TTĐT nhà trường;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng

Uông Bí, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý II năm 2025

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 57/QĐ-PGDĐT ngày 13/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí quỹ lương biên chế và giáo viên hợp đồng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học (Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-PGDĐT ngày 11/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-THTP ngày 29/6/2025 của trường Tiểu học Trần Phú về việc công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý II năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 8h00' ngày 30/6/2025, tại trường Tiểu học Trần Phú.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 45/45 đ/c vắng: 0

- Chủ trì: Đ/c Nguyễn Trung Dũng

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- | | |
|--|----------------------------|
| - Đ/c Nguyễn Hữu Dũng | - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| - Đ/c Đỗ Thị Thanh Hòa | - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| - Đại diện Ban TTND: Đ/c Lê Thị Nhung | - Trưởng ban TTND |
| - Đại diện tổ Tài chính: Đ/c Nguyễn Thị Hạnh | - Chức vụ: Kế toán |
| - Người ghi biên bản: Trần Thị Duyên | - Chức vụ: Thư ký |

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý II năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú (kèm theo bản dự toán thu - chi ngân sách quý II năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú).

2.2. Thời gian niêm yết: 90 ngày, kể từ ngày 30/6/2025 đến hết ngày 30/9/2025

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo của trường Tiểu học Trần Phú, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung dự toán Thu - Chi ngân sách quý II năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua Đ/C Lê Thị Nhung - Chức vụ: Giáo viên, Trưởng ban TTND – SĐT: 0774225899) để giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn dự toán thu - chi NSNN quý II năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 8h30' cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ

TRƯỞNG BAN TTND

KẾ TOÁN

CHỦ TRÌ

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Duyên



Lê Thị Nhung



Nguyễn Thị Hạnh



Nguyễn Trung Dũng

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH Trần Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622 - Loại: 070 - Khoản: 072

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã QHNS: 1067400

Uông Bí, ngày 30 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Trần Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý II/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				0
I	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1			-		
II	Chi từ nguồn thu được để lại				
1	Số chi phí, lệ phí				
2	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1			-		
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.259.380.400	2.424.006.337		
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.259.380.400	2.424.006.337		
1	Chi quản lý hành chính	11.259.380.400	2.424.006.337		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.788.669.000	2.292.441.183		
1.1.1	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		2.292.441.183		
	Mục 6000: Tiền lương		1.004.772.600		
	- TM: 6001: Lương theo ngạch, bậc		1.004.772.600		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		649.229.264		
	- TM: 6101: Phụ cấp chức vụ		17.901.000		
	- TM: 6102: Phụ cấp khu vực		115.128.000		
	- TM: 6105: Phụ cấp thêm giờ		11.377.896		
	- TM: 6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		359.715.855		
	- TM: 6113: Phụ cấp trách nhiệm		2.808.000		
	- TM: 6115: PC TNVK, Thâm niên nghề		142.298.513		
	Mục: 6200: Tiền thưởng		7.120.000		
	TM: 6249: Thưởng khác		7.120.000		
	Mục: 6250: Phúc lợi tập thể		4.800.000		
	TM: 6254: Tiền khám bệnh định kỳ				
	- TM: 6299: Chi khác		4.800.000		
	Mục: 6300: Các khoản đóng góp		266.000.737		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý II/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- TM: 6301: Bảo hiểm xã hội		203.870.117		
	- TM: 6302: Bảo hiểm y tế		34.949.164		
	- TM: 6303: Kinh phí công đoàn		15.531.736		
	- TM: 6304: Bảo hiểm thất nghiệp		11.649.720		
	Mục: 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		12.425.400		
	TM: 6449: PC ngoài trời GVTĐ		12.425.400		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		21.534.482		
	- TM: 6501: Tiền điện		17.506.122		
	- TM: 6502: Tiền nước		4.028.360		
	TM: 6504: Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường				
	Mục: 6550: Vật tư văn phòng		14.932.000		
	- TM: 6551: Văn phòng phẩm				
	- TM: 6552: Mua sắm CCDC VP				
	- TM: 6553: Khoản VPP				
	- TM: 6599: Vật tư văn phòng khác		14.932.000		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		0		
	- TM: 6605: cước phí Internet, thuê đường truyền mạng				
	- TM: 6608: Sách, báo, tạp chí thư viện				
	Mục: 6700: Công tác phí		2.700.000		
	TM: 6701: Tiền vé máy bay, taxi, xe		1.200.000		
	TM: 6702: Phụ cấp công tác phí				
	TM: 6703: Tiền thuê phòng ngủ				
	TM: 6704: Khoản công tác phí		1.500.000		
	Mục: 6750: Chi thuê mướn		74.640.000		
	TM: 6757: Thuê lao động trong nước		74.640.000		
	TM: 6799: Chi thuê mướn khác				
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản, cơ sở hạ tầng		8.400.000		
	TM: 6907: Nhà cửa				
	TM: 6912: Thiết bị CNTT		8.400.000		
	TM: 6913: Tài sản và TB văn phòng				
	TM : 6921: Đường điện, cấp thoát nước				
	TM: 6949: Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác				
	Mục: 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành		199.596.100		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành				
	TM: 7004: Đồng phục, trang phục				
	TM: 7049: Chi phí khác		199.596.100		
	Mục: 7050: Mua sắm tài sản vô hình		18.000.000		
	TM: 7053: Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		18.000.000		
	Mục: 7750: Chi khác		8.290.600		
	TM: 7756: Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị dự toán		5.880.600		
	TM: 7757: Bảo hiểm tài sản và phương tiện				
	TM: 7799: Chi các khoản khác		2.410.000		
1.1.2	Quản lý nhà nước				
	Tiền lương				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý II/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Phụ cấp lương				
	Các khoản đóng góp				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.056.711.400	119.865.154		
1.	Mục 6000: Tăng lương, phụ cấp	116.472.400			
2.	Mục 6100: Phụ cấp lương	313.830.000	66.825.000		
	- TM: 6051: Lương hợp đồng theo chế độ	313.830.000	66.825.000		
3.	Mục: 6100: Phụ cấp lương	80.000.000	41.305.154		
	TM: 6149: Phụ GV dạy hs khuyết tật	80.000.000	41.305.154		
4.	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	27.000.000	4.200.000		
	TM: 6157: trợ cấp ưu đãi học tập cho đối tượng chính sách	27.000.000	4.200.000		
5.	Mục: 6300: Các khoản đóng góp		7.535.000		
	- TM: 6301: Bảo hiểm xã hội		5.775.000		
	- TM: 6302: Bảo hiểm y tế		990.000		
	- TM: 6303: Kinh phí công đoàn		440.000		
	- TM: 6304: Bảo hiểm thất nghiệp		330.000		
6.	Bổ sung theo định mức 15% hoạt động chung	40.000.000			
7.	Mua sắm trang thiết bị dạy học	47.670.000			
8.	Mua sắm tập trung tài sản trên 10 triệu	371.625.000			
9.	Mua sắm tại đơn vị tài sản dưới 10 triệu	60.114.000			
1.3	Kinh phí thưởng không thường xuyên	414.000.000	11.700.000		
	TM: 6201: Tiền thưởng thường xuyên				
	TM: 6249: Tiền thưởng đột xuất		11.700.000		

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hạnh

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trung Dũng